

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa**

**Tập 600**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**

**Chuyển ngữ: Hạnh Chơn**

**Biên tập: Minh Tâm**

**Thời gian: 18.09.2011**

**Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 788, bắt đầu xem từ hàng thứ nhất.

Duy Ma Kinh Gia Tường Sớ nói: “Pháp nhãn tịnh, tiểu thừa có pháp nhãn, đại thừa cũng có pháp nhãn. Tiểu thừa pháp nhãn tức sơ quả thấy pháp Tứ Đế, gọi là pháp nhãn. Đại thừa pháp nhãn là sơ địa biệt giáo được chân vô sanh pháp, nên gọi là pháp nhãn”. Biệt giáo sơ địa chính là viên giáo sơ trụ. “Ngày nay kinh này chỉ tiểu thừa pháp nhãn tịnh. Như Cảnh Hưng nói: Pháp nhãn tịnh, tức dự lưu quả- sơ quả. Tịnh Ảnh Sớ lại nói: Thấy Tứ Thánh Đế, gọi là tịnh pháp nhãn. A na hàm là quả thứ ba trong bốn quả của Tiểu thừa. Các lậu đã tận, tâm được giải thoát. Như Kinh Duy Ma nói: Tám ngàn tỷ kheo không thọ các pháp, lậu tận ý giải”.

“Chú giải của Triệu công nói- Triệu công là đại sư Tăng Triệu- Lậu tận, 98 kiết lậu đã tận, ý được giải thoát, thành A la hán. Là chỉ phiền não đoạn tận, tâm ý giải thoát, chứng quả A la hán. Cho thấy trong kinh nói đến pháp nhãn tịnh và các lậu đã tận, đều chỉ Thanh văn thừa”, đều là nói đến tiểu thừa. Đoạn kinh văn ở trước là tiểu thừa từ sơ quả đến tứ quả, nói cảnh giới của họ, đây là Thế Tôn giảng kinh đến đoạn sau cùng.

“Thiên nhân thế gian, có một vạn hai ngàn ức na do tha chúng sanh, viễn ly trần cấu, được pháp nhãn tịnh”. Chứng sơ quả, có nhiều người như vậy chứng tiểu thừa sơ quả, đương nhiên không phải ở địa cầu này. Địa cầu đến ngày nay mới 70 ức người, nhưng ở đây có một vạn hai ngàn ức na do tha, con số này vô cùng lớn, đây là chỉ ở đâu? Ít nhất là chỉ thế giới Ta bà, thế giới Ta bà là nơi giáo hóa của Đức Thế Tôn, là khu vực ngài hóa độ chúng sanh. Khu vực này là tam thiên đại thiên thế giới, đây là một tam thiên đại thiên thế giới.

Tam thiên là lấy núi Tu di làm trung tâm, đây là một tinh hệ lớn. Ngày xưa đích thực có rất nhiều người ngộ nhận, cho rằng đơn vị thế giới là hệ mặt trời. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ học khoa học, khi chúng tôi gặp nhau ông đã đưa ra vấn đề này. Ông nói đơn vị thế giới không phải hệ mặt trời, trong kinh nói rất rõ ràng: Trung tâm của tinh hệ này là núi Tu di, mặt trời chạy quanh eo núi Tu di. Núi Tu di ở giữa, còn mặt trời xoay chuyển xung quanh. Theo cách nói này, đơn vị thế giới là hệ ngân hà. Trung tâm của

hệ ngân hà, hiện nay các nhà khoa học phát hiện là một hắc động cực lớn, nghĩa là núi Tu di trong kinh Phật nói. Hắc động này sức mạnh vô cùng lớn, đến ánh sáng cũng bị nó thu hút vào, có sức hút rất lớn. Sang năm đúng lúc ngân hà đối tề, đây là hiện tượng thiên văn, cũng rất khó gặp được, đại khái phải hơn hai vạn năm mới gặp được một lần. Trung tâm ngân hà, mặt trời, địa cầu sắp thành một đường thẳng. Đây là ngày xưa người Maya lâu ngày quan sát được, lúc đó họ chưa có máy móc, nhưng họ đối với thiên văn rất quen thuộc, mà quan sát rất tinh vi.

Vấn đề này nó có tính chu kỳ, một đơn vị là một hệ ngân hà, một tiểu thiên thể giới là một ngàn hệ ngân hà. Lại lấy 1000 hệ ngân hà này làm đơn vị, tiểu thiên thể giới. 1000 tiểu thiên thể giới gọi là trung thiên thể giới. Lại lấy trung thiên thể giới làm đơn vị, 1000 trung thiên thể giới là một đại thiên thể giới. 1000 đại thiên thể giới, vì nó có tiểu thiên, trung thiên, đại thiên, nên gọi nó là tam thiên đại thiên thể giới, trên thực tế là một đại thiên thể giới. Có bao nhiêu hệ ngân hà? 1000 nhân 1000 lại nhân 1000 là mười ức. Mười ức hệ ngân hà là khu vực giáo hóa của Đức Thế Tôn, nơi ngài giáo hóa, rất lớn!

Nếu từ trên hệ ngân hà lớn như vậy để xem, chữ số này không lớn, mới “một vạn hai ngàn ức na do tha chúng sanh”, được pháp nhãn, nghĩa là chứng sơ quả. Nghe Đức Phật giảng kinh này, họ chứng được quả Tu đà hoàn. “20 ức chúng sanh”, 20 ức là ít, rất ít, “được quả A na hàm”. A na hàm là tam quả, tam quả của tiểu thừa. “6800 tỷ kheo các lậu đã tận, tâm được giải thoát”, đây là chúng A la hán. Cho thấy càng đi lên nhân nhân số càng ít, còn hàng chúng sơ quả vô cùng nhiều. Đây là nghe kinh đạt được lợi ích giai đoạn thứ nhất, trước tiên nói đến tiểu thừa.

Bên dưới đưa ra một vấn đáp, cũng là của cô nhân. “Hoặc hỏi: nghe kinh điển đại thừa vô thượng này, vì sao được lợi ích của pháp tiểu thừa. Tịnh Ảnh Sớ nói”. Tịnh Ảnh là pháp sư Huệ Viễn, người thời nhà Tùy, tên hoàn toàn giống với đại sư Huệ Viễn khai sáng pháp môn Tịnh độ ở núi Lô Sơn vào thời Đông Tấn, chúng ta gọi là sơ tổ. Ngài Tịnh Ảnh cũng gọi là Huệ Viễn, nhưng là người nhà Tùy, nên trong Phật giáo gọi ông là tiểu Huệ Viễn. Quý vị nhìn thấy tiểu Huệ Viễn tức là gọi đại sư Tịnh Ảnh, Tịnh Ảnh là tên chùa, suốt đời ngài ở chùa Tịnh Ảnh. Người đời sau tôn xưng ngài, không xưng danh cũng không gọi tự của ngài, mà gọi là Tịnh Ảnh nơi ngài ở, gọi là pháp sư Tịnh Ảnh, đây là cách xưng hô cung kính nhất.

Pháp sư Huệ Viễn nói: “Chúng sanh tiểu thừa, nghe nói Ta bà uế ác đáng chán”. Nghe Đức Thế Tôn giảng kinh nói về lục đạo, tam giới lục đạo. Lục đạo là cõi uế, chúng sanh ở trong này rất đau khổ, ba khổ, tám khổ đều là nói đến thế giới này. Nếu thật sự hiểu được, “thâm tâm viễn ly”, không muốn tiếp tục ở lại đây. Có thể rời xa chăng? Có thể, xa rời lục đạo liền sanh đến tứ thánh pháp giới. Tứ thánh pháp giới là

cõi tịnh của Đức Thế Tôn, tương đương với cõi phương tiện hữu dư của thế giới Cực Lạc.

Quý vị xem thế giới Cực Lạc có cõi phàm thánh đồng cư, có cõi phương tiện hữu dư. Cõi phàm thánh đồng cư là lục đạo, nhưng thế giới Cực Lạc chỉ có hai đường, bốn đường khác không có: Không có ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, cũng không có A tu la. Cõi đồng cư của thế giới Cực Lạc chỉ có người và trời, chỉ có hai cõi này, đây là điểm không giống với các thế giới khác. Đây là bổn nguyện công đức của Phật A Di Đà thành tựu nên, phát nguyện, phát nguyện cần phải thực hiện. Sau khi ngài phát nguyện, dùng thời gian năm kiếp tu hành, mỗi nguyện đều thực hiện.

Thế giới Cực từ đâu mà có? Là do công đức 48 nguyện và năm kiếp tu hành của Phật A Di Đà thành tựu nên, là do vậy mà có, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Thế giới này của chúng ta có chăng? Có, một người nếu tu thuần thiện, tâm địa thuần tịnh thuần thiện, người này tương lai được sanh lên cõi trời. Cảnh giới sinh hoạt trên cõi trời cũng không cần thiết kế, không có người thi công, mà tự nhiên biến hiện ra. Đây là nguyên nhân gì? Do công đức thuần tịnh thuần thiện thành tựu nên, như Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên vậy.

Cùng một đạo lý, nếu quý vị tạo tội ngũ nghịch thập ác, tâm địa và hành vi của chúng ta ác trước cùng cực, cái ác đó cũng có thể biến hiện. Ác nghiệp này biến hiện thành tựu nên điều gì? Biến hiện ra địa ngục vô gián, địa ngục cũng là hóa sanh, là nghiệp lực của chính ta biến hiện ra. Không có ai thiết kế, cũng không có ai kiến tạo, không liên quan gì đến vua Diêm la, không liên quan đến Phật Bồ Tát, cũng không liên quan chút nào đến thượng đế, mà do nghiệp bất thiện của chính mình biến hiện ra, cội nguồn chính là như vậy. Ở thế gian chúng ta, thiên đường và địa ngục cũng như vậy. Chúng ta sẽ không còn hoài nghi đối với sự hình thành của thế giới Cực Lạc, nó là công đức chân thật của đại nguyện đại hạnh sở tạo nên.

Cho nên tiểu thừa biết được tình huống tam khổ, bát khổ trong lục đạo, không muốn ở trong này chịu khổ thêm, tiếp tục trôi lăn trong luân hồi. Họ nghe kinh này, vì tâm lượng không lớn, nên có thể xa rời lục đạo là họ đã rất mãn nguyện, rời xa lục đạo đã cảm thấy rất vừa lòng. Cho nên họ thoát ly lục đạo sanh đến tứ thánh pháp giới, chính là như vậy.

“Cảnh Hưng cũng nói: Đại chúng nghe nơi này uế ác đáng ghét, nên chứng được quả Thanh văn”. Họ chứng được là tiểu quả Thanh văn.

Chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới. Đoạn tiếp theo là: “Đại thừa được lợi ích”. Đại thừa và tiểu thừa, trên thực tế tâm lượng họ khác nhau, chí hướng khác nhau. Tâm của đại thừa lớn, chí hướng cao xa, nên lợi ích đạt được không giống nhau.

Chúng ta xem kinh văn: “Tứ thập ức Bồ Tát, u vô thượng bồ đề, trú bất thoái chuyển, dĩ hoằng thệ công đức, nhi tự trang nghiêm”. Đây là Bồ Tát chúng được bất thoái chuyển, bất thoái chuyển ở đây là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Trong Kinh Hoa Nghiêm là sơ trụ trở lên, cho đến Đẳng giác đều gọi là bất thoái chuyển.

Đoạn bên dưới: “Nhị thập ngũ ức chúng sanh, đắc bất thoái nhẫn, tứ vạn ức na do tha bách thiên chúng sanh, u vô thượng bồ đề, vị tăng phát ý. Kim thì sơ phát, chủng chur thiện căn, nguyện sanh Cực Lạc, kiến A Di Đà Phật, giai đương vãng sanh, bỉ Như Lai độ. Các u dị phương, thứ đệ thành Phật, đồng danh Diệu Âm Như Lai”. Tịnh độ tông mười mấy năm lại đây, quy y Tam bảo, pháp danh trên phải quy y đều dùng Diệu Âm, Diệu Âm là từ đây mà ra.

Đức Phật thọ ký cho đại chúng, chúng sanh ở thế giới chúng ta, tương lai vãng sanh thế giới Cực Lạc, ở đó tu hành thành Phật, đến các thế giới khác thị hiện, thành Phật độ chúng sanh, đều gọi là “Diệu Âm Như Lai”, Diệu Âm nghĩa là Nam Mô A Di Đà Phật. Cư sĩ là niệm Phật thành Phật, nên hiện nay trên phải quy y của chúng ta, đều dùng Diệu Âm, phù hợp nhân quả. Bây giờ là cư sĩ Diệu Âm, tương lai là Diệu Âm Như Lai, pháp danh này từ đây phát sanh ra.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “Hữu đoạn”, đoạn kinh văn bên phải: “Là chỉ nghe pháp đạt được lợi ích của pháp đại thừa”, đây là hàng căn tánh đại thừa, khác với ở trước. “Không thoái chuyển, công đức thiện căn tu được ngày càng tăng tiến”, họ chỉ có tiến chứ không thoái. “Càng không thoái thất chuyển biến”, họ không bị thoái tâm, cũng không bị thay đổi, câu này rất quan trọng. Nên biết những gì Đức Thế Tôn tuyên giảng cho chúng ta là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng: “Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, nhất định phải ghi nhớ.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, đây là biểu diễn có tính tượng trưng. 53 vị thiện tri thức đều là cổ Phật tái lai và pháp thân đại sĩ biểu cho chúng ta thấy. Biểu diễn điều gì? Nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, tất cả đều hành Bồ Tát đạo, đều đang học Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Học ở đâu? Học ngay trong cuộc sống hằng ngày. Trong cuộc sống hằng ngày, hành thiện là Phật pháp, chỉ cần nhập vào cảnh giới Phật không có gì không phải Phật pháp, bất thiện cũng là Phật pháp. Quý vị xem sự ngu si của bà la môn Thắng Nhiệt, đây là tham sân si, ông làm điều ngu si. Cam Lò Hỏa Vương sân nhuế, Phật Tô Mật Đa nữ dâm dục, cô ta là một kỹ nữ, ngành nghề nào cũng đều là Bồ Tát. Chúng ta mới biết, trong pháp đại thừa nói, pháp nào không phải Phật pháp? Các pháp đều là Phật pháp. Vấn đề là ta ở trong tất cả pháp thật sự làm được không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, như vậy có được chăng? Được, trong cảnh giới

này tâm thanh tịnh tịch diệt, sanh vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng. Tâm thanh tịnh sanh trí tuệ, huống gì thanh tịnh bình đẳng giác!

Vì thế mọi việc, bất luận điều gì, chuyện nhỏ chuyện lớn, việc riêng tư hay là việc của đại chúng xã hội, ta đều xử lý một cách viên mãn, tận thiện tận mỹ, đây là Phật pháp. Nếu không phải cảnh giới này, chúng ta học nó làm gì? Đến cảnh giới này mới gọi là người viên mãn thuyết pháp, không có pháp nào không viên mãn, viên tu viên chứng. Phật pháp rất linh động, người bây giờ nói học và áp dụng một cách linh hoạt, sinh động hoạt bát, không phải người thường có thể tưởng tượng được.

Quý vị đến Đôn Hoằng, tôi từng đến Đôn Hoằng, từng thấy một số hình ảnh. Những điều khắc hội họa trong thạch động ở Đôn Hoằng là nói về Đức Thế Tôn đang giảng kinh thuyết pháp, đại chúng nghe kinh. Trên không trung là gì? Không trung là nhạc trời, thiên nữ đang ca múa cúng dường đại chúng, đây là đại thừa, quý vị nói pháp hội này trang nghiêm viên mãn biết bao.

Trong lịch sử chúng ta thấy Mã Dung thời nhà Hán, chắc là học được điều này. Khi dạy học ông kéo một tấm rèm, sau bức rèm là ban nhạc nhà ông nuôi, trong đó đang đàn cầm, diễn tấu. Ông vừa thưởng thức, vừa dạy học. Người được chân truyền của Mã Dung là Trịnh Huyền, Trịnh Huyền ở trong hội của Mã Dung ba năm, nhất tâm nghe giảng học hành. Sau rèm các cô gái đang diễn tấu, ông chưa từng nhìn đến một lần, vẫn như như bất động. Bởi thế trong lòng Mã Dung có dự định, ông nói: Học vấn một đời của ta, đứa bé này đã học hết tất cả. Mà ông còn dự đoán, người học trò này tương lai còn hơn cả ông. Ông ta còn tâm đồ kỵ, không muốn có người hơn mình. Người thầy này, liền khởi tâm bất thiện muốn hại, làm khó Trịnh Huyền. Nhưng Trịnh Huyền rất thông minh, rất có trí tuệ, có thể nhận ra được, nên hết khóa, học thành tựu là lập tức ra đi. Người thầy dẫn theo hơn 100 học trò, đưa tiền Trịnh Huyền mười dặm đường, mỗi người kính ba ly rượu\_Câu chuyện 300 ly từ đây mà có. Chúc Trịnh Huyền uống 300 ly rượu, say rượu đương nhiên anh ta không biết gì nữa, là cơ hội để hại anh ta. Không ngờ sau khi Trịnh Huyền uống xong 300 ly rượu, không hề mất dù là lễ tiết nhỏ, đúng là tử lượng cao.

Thầy Lý nói cho chúng tôi nghe câu chuyện này, nếu mọi người đều có tử lượng như Trịnh Huyền, thì không cần đến giới không uống rượu mà Đức Phật chế nữa, ông uống không say. Rượu là thuộc về giá giới, nó không phải tánh tội, là phòng ta phạm tội. Nếu tử lượng cao như Trịnh Khang Thành, thì không cần đến điều luật này nữa.

Bởi thế ông ra đi, khi ông ra đi, mọi người biết được tuyến đường ông đi, nên đến giữa đường ông đổi qua đi đường nhỏ. Thông minh, thật sự là vượt qua thầy. Tự của ông là Khang Thành, gọi ông là Trịnh Khang Thành, còn tên là Huyền, Trịnh

Huyền, nhà Nho lớn thời nhà Hán. Hiện nay chú giải của Thập Tam Kinh, tam lễ: Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký là do ông chú giải.

Bởi vậy tập khí phiền não không dễ đoạn, khi hiện tiền thật sự sẽ khởi tác dụng. Lúc đó Phật pháp chưa truyền đến Trung quốc. Bởi thế chúng ta nghĩ đến ngày xưa có rất nhiều trường hợp.

Chúng ta xem tiếp đoạn văn bên dưới, họ không thoái thất, cũng không bị thay đổi. Thoái thất, thoái tâm, thay đổi, trường hợp này không thể kể xiết, quá nhiều quá nhiều. Chúng ta gặp phải trường hợp này phải dùng tâm bình thường để đối đãi, vì sao vậy? Vì biết được thời kiếp chúng sanh luân hồi trong lục đạo quá lâu dài, tập khí trong A lại da rất nặng nề, người không có công phu thật sự, có tâm lớn thật sự, nghĩa là tâm Bồ đề, người thật sự phát tâm Bồ đề sẽ không thoái chuyển, nhưng người thật sự phát tâm rất ít. Phát tâm Bồ đề nghĩa là phát tâm vì tất cả chúng sanh, vì tất cả chúng sanh khổ nạn mà phục vụ. Đây là tâm Bồ đề thật sự, không có chính mình. Còn vì danh vì lợi dưỡng, không phải là tâm Bồ đề, tâm Bồ đề nhất định là vô ngã.

Trong Kinh Kim Cang nói, phá tứ tướng, phá tứ kiến là tâm Bồ đề chân thật. Phá tứ tướng vẫn chưa được, phải phá tứ kiến. Tiểu thừa Tu đà hoàn đã phá tứ tướng, phá tứ kiến là sơ trụ Bồ Tát, Bồ Tát sơ trụ trong Kinh Hoa Nghiêm, “vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến”.

“Lại tượng trưng cần hành tu tập, như niệm Phật bất thoái, cần hành bất thoái. Bất thoái chuyển tiếng Phạn là A bệ bạt trí”. trong kinh này gọi là A Duy Việt Trí, là một danh từ nhưng dịch khác nhau, âm đều rất gần, A Duy Việt Trí, A bệ bạt trí.

“Trong kinh này nói trú bất thoái chuyển, ở dưới lại nói được bất thoái nhẫn, đều căn cứ theo Đường Dịch”. Đây là nói về nguồn gốc của chữ này, là sự chú ý cẩn thận của cư sĩ Hạ Liên Cư, vì đây là hội tập, không phải phiên dịch. Hội tập nhất định phải dùng nguyên văn, không được sửa đổi, sửa là sai, không được sửa đổi. Vậy câu này từ đâu mà có? Là từ trong Đường Dịch.

Đối với Ngụy Dịch, Ngụy Dịch là bản của Khương Tăng Khải: “Tức chỉ nói được bất thoái chuyển”, ông nói rất đơn giản. “Tịnh Ảnh Sư Sớ nói”, tức là Nghĩa Sớ của tiểu Huệ Viễn\_Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ. “Đại thừa chúng sanh, nghe oai đức Phật Di Đà rộng độ”. Nghe Đức Thế Tôn ở trong lần pháp hội này, chuyên giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc, giới thiệu thế giới Cực Lạc, khi nghe xong liền cảm động. “Kiên tâm nguyện cầu”, hạ quyết tâm muốn cầu sanh Tịnh độ, muốn thân cận Phật A Di Đà. “Nên được bất thoái”, đồng mãnh tinh tấn, họ không thoái chuyển.

“Nghe kinh này được nhiều lợi ích, thề muốn tế độ, gọi là thề tự trang nghiêm”. Bên dưới lại nói, bên dưới là chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “Nghe tên cầu sanh Tịnh

độ, chí nguyện kiên quyết, nên được bất thoái. Thề nguyện muốn lợi tha, phát đại thệ nguyện phổ độ chúng sanh”. Trong tứ hoằng thề nguyện nói: “Chúng sanh vô biên thề nguyện độ”, tức là chí nguyện này. “Nên gọi là công đức hoằng thệ để tự trang nghiêm”, bốn chữ danh thệ tự trang, nghĩa là “nên gọi công đức hoằng thệ để tự trang nghiêm”.

“Kinh này căn cứ Đường Dịch là trú bất thoái chuyển, hàm nghĩa thâm sâu. Nhưng vẫn trích dẫn Tịnh Ảnh Sớ, là chỉ người sơ bộ trong này”. Vì Bồ Tát A Duy Việt Trí có 41 giai cấp, từ sơ trụ đến Đẳng giác đều gọi là A Duy Việt Trí. Ý nghĩa trong Sớ của ngài Huệ Viễn cạn hơn, là chư Bồ Tát. Đường Dịch là được bất thoái nhãn, ý nghĩa sâu hơn, đó là thập địa Bồ Tát. Nhưng tất cả đều có thể nói thông suốt, ý nghĩa đều bao hàm trong đó.

Ở dưới nói bất thoái nhãn, có 25 ức chúng sanh được bất thoái nhãn. Nhãn, thế nào gọi là nhãn? Đại Thừa Nghĩa Chương Cửu, cửu là quyển thứ chín. Trong quyển thứ chín của Đại Thừa Nghĩa Chương nói: “Huệ tâm an pháp, gọi là nhãn”. Trí tuệ, không phải phiền não, không phải phân biệt, không phải chấp trước, là trí tuệ vốn đầy đủ trong tự tánh. Quyển thứ 11 lại nói: “An trú trong pháp thật tướng gọi là nhãn”. Đây là Đại Thừa Nghĩa Chương, ở trước là quyển thứ chín, đây là quyển thứ 11, có hai câu nói như vậy. Đối với pháp thật tướng, pháp là tất cả pháp. Khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói rằng: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”, pháp ở đây nghĩa là vạn pháp. Có thể ở trong tất cả pháp thấy được thật tướng, an trú tâm trên thật tướng gọi là nhãn. Nhãn nghĩa là thừa nhận, là khẳng định. Thật tướng là gì? Là chân tướng. Chân tướng là gì? Chân tướng là vô sở hữu, tất cánh không, chân tướng của tất cả pháp là bất khả đắc. Trong Kinh Đại Bát Nhã nói: “tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”, đây là chân tướng.

Mấy năm lại đây, chúng ta thấy đối thoại của Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc, trong Pháp Uyển Châu Lâm, quyển thứ tám đoạn sau cùng. Đối thoại này trong đoạn sau cùng, quyển thứ tám của Pháp Uyển Châu Lâm, quý vị vào đó xem sẽ thấy. Đức Phật hỏi Bồ Tát Di Lặc: “Tâm hữu sở niệm”, trong tâm phàm phu khởi một ý niệm, “có mấy niệm mấy tướng mấy thức?” Đây là hỏi về ý niệm này, chúng ta cảm thấy có ý niệm, trong ý niệm này có mấy niệm, có mấy tướng, có mấy thức?. Bồ Tát Di Lặc đáp rằng: “Một đàn chỉ khoảnh”, là một khảy móng tay: “Có 32 ức trăm ngàn niệm”. Trăm ngàn là đơn vị, mười vạn, 32 ức nhân 10 vạn, là 320 triệu. Một khảy móng tay có 320 triệu. Ngài Huệ Năng nói là năng sanh vạn pháp, một khảy móng tay này nghĩa là 320 triệu ý niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Thức niệm cực kỳ vi tế không thể nắm giữ được, ta không sao nắm bắt được nó. Vì sao vậy? Vì thời gian nó tồn tại, nếu như bây giờ dùng giây để làm đơn vị, là 1 giây trên 1600 triệu ý niệm, như vậy làm sao ta nắm bắt được? Không nắm bắt được nó, nên gọi là không thể nắm giữ. Là có thật không phải không có, vấn đề này Đức Phật thấy rõ, ngài từng nói bát địa trở

lên thấy được: Bát địa, cửu địa, thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, năm địa vị này đều nhìn thấy. Nhìn thấy điều gì? Nguồn gốc của vũ trụ, cội nguồn của vạn pháp, đồng thời với cội nguồn sanh mạng chúng ta. Không thể nói một sát na, một sát na quá dài. Trong kinh Phật nói nhất niệm, nói rất hay: Đương xứ, đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận. Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật đã nói như vậy, đây là thật tướng. Nếu có thể an trú tâm trên thật tướng, như vậy là bất động. Nghĩa là không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, đây gọi là nhẫn, là định trụ. Đây mới là chân thật tướng của tất cả pháp.

“Ví dụ như vô sanh pháp nhẫn”, tất cả pháp vốn không có sanh, vốn không có diệt, tốc độ nó nhanh quá, sanh diệt hình như là cùng một lúc. Có sanh diệt chăng? Có sanh diệt. Nếu không có sanh diệt thì gọi là vô sanh vô diệt, như vậy không phải đây là lời nói dư thừa ư? Thật sự có sanh diệt, không phải không có sanh diệt, thật sự có sanh diệt, nhưng không có cách nào nắm bắt được sanh diệt này. Ta không nhận ra được nó có sanh diệt, niệm này nối tiếp niệm kia, niệm trước diệt niệm sau lập tức sanh. Ta hoàn toàn không có cách nào nắm giữ được nó, định công của bát địa trở lên mới thấy rõ được, thấy minh bạch được.

Bởi vậy khoa học và triết học đều không cần học, bản thân ta vốn đầy đủ viên mãn khoa học và triết học. Không phải ở bên ngoài, những gì phát hiện được từ bên ngoài đều không đáng kể, thứ vô ích, không có giá trị. Khoa học và triết học thật sự cứu cánh viên mãn đều trong tự tánh chúng ta, không ở bên ngoài.

Căn cứ Đại Trí Độ Luận giải thích về phương pháp chân lý an trú của vô sanh, mà không động tâm, đây gọi là nhẫn. “Cho thấy nhẫn tức an nhẫn, đối với lý quyết định không thay đổi tâm niệm. Theo điều này có thể thấy, bất thoái nhẫn, tức lý an trú của bất thoái, mà ý niệm không thay đổi. Tức niệm niệm đều không thoái chuyển, nên tương đương với niệm bất thoái của ba loại bất thoái”.

Ba loại bất thoái này nghĩa là vị bất thoái, vị thứ tu được sẽ không bị thoái chuyển. Tu đà hoàn là đạt được vị bất thoái. Thứ hai là hành bất thoái, không thoái thất đối với những hành pháp tu được, đây là Bồ Tát. Bồ Tát sẽ không thoái chuyển lui tiểu thừa, tiểu thừa dễ thoái tâm, thấy điều gì? Chúng sanh quá khó độ, không nghe lời, độ chúng sanh quá khổ, họ thoái tâm không làm nữa. Thoái lui tiểu thừa, không làm Bồ Tát, Bồ Tát quá gian nan, thoái chuyển lui nhị thừa. Nên hành bất thoái là Bồ Tát. “Niệm bất thoái”, địa vị này rất cao, niệm niệm, đây là nhất niệm vi tế mà Bồ Tát Di Lặc nói, niệm niệm bất thoái, đây là pháp thân đại sĩ. Niệm niệm bất thoái như trong Thiên tông nói: Minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, kiến tánh thành Phật, là cảnh giới này. Đây là pháp thân Bồ Tát, có niệm nhưng bất thoái. Đây gọi là tam bất thoái.



Quán Kinh Diệu Tông Sao, Diệu Tông Sao là chú giải của đại sư Trí Giả tông thiên thai. “Nếu phá kiến tư gọi là vị bất thoái”. Trên thực tế phá kiến hoặc là bất thoái chuyển, phá kiến tư là A la hán, đây là vị bất thoái. “Tức vĩnh viễn không mất quả vị siêu phàm, chỉ giả có vĩnh viễn siêu xuất đối với phàm phu”, chính là ý này, trong ngoặc đơn ở dưới giải thích rất rõ ràng. “Chế phục đoạn tận trần sa gọi là hành bất thoái, tức vĩnh viễn không mất hạnh Bồ Tát”, họ không bị thoái đến nhị thừa. “Nếu phá vô minh gọi là niệm bất thoái”, phá vô minh nghĩa là không khởi tâm không động niệm. “Tức không mất trung đạo chánh niệm”, người như vậy sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, là đến cõi thật báo trang nghiêm. Bởi thế sanh vào cõi thật báo trang nghiêm mới viên chứng tam bất thoái, chúng được viên mãn, đây là pháp thân đại sĩ.

“Kim”, những gì bây giờ trong kinh nói, “bất thoái nhân, chỉ an trú vào lý của thật tướng, niệm niệm không thay đổi, tức là niệm bất thoái”, niệm bất thoái tức là pháp thân Bồ Tát. “Trú bất thoái chuyển, lấy công đức hồng thệ mà tự trang nghiêm, tức tương đương với hành bất thoái. Bồ Tát nghe kinh căn cơ bất đồng, nên lợi ích nghe pháp đều có cao thấp khác nhau”. Giải thích này quá hay, thính chúng căn tánh khác nhau, đều là nghe Phật thuyết pháp, nhưng lợi ích cao thấp không tương đồng. Căn cơ sâu dày được lợi ích lớn, được niệm bất thoái, căn cơ thấp kém cũng có thể được vị bất thoái, đây là được Bồ Tát bất thoái chuyển.

“Ngày nay người mới phát tâm, phát tâm bồ đề”. Quá khứ chưa từng phát tâm Bồ Tát, hiện nay nghe kinh này liền phát tâm bồ đề. “Phát tâm cuối cùng không có hai, hai tâm như vậy, tâm trước khó”. Hai câu này trong kinh Đức Phật từng nói, tổ sư đại đức dẫn chứng rất nhiều. “Nên trong tất cả các kinh, số người phát tâm bồ đề, trong rất nhiều kinh đều có. Như vậy Bồ Tát đã phát đại tâm, lại làm các điều thiện”. Chúng thiện ở đây, chúng ta có thể nói như vậy, nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà, nghĩa là làm các điều thiện, vì niệm Phật là thiện trong các điều thiện, không có gì thiện hơn. “Nguyện sanh Cực Lạc, đều được vãng sanh thấy Phật, lại đối với các phương trước sau thành Phật, đồng gọi là Diệu Âm Như Lai”. Đây đồng nghĩa là thọ ký cho chúng ta, chúng ta tương lai đến thế giới Cực Lạc thành Phật, đều gọi là Diệu Âm Như Lai. Có lần tôi đọc kinh này đọc đến đây thì đang ở Mỹ, lần đó cùng một lúc có hơn 100 người đến xin quy y, không kịp đặt pháp danh. Tôi liền nghĩ đến kinh này, thôi thì chúng ta dùng cùng một tên, “cùng tên Diệu Âm Như Lai”, bây giờ chúng ta dùng cùng tên cư sĩ Diệu Âm, Diệu Âm là từ đây mà có. Nên tên này không phải là tôi đặt, là Đức Thế Tôn đặt cho chúng ta.

Chúng ta xem tiếp theo, đoạn bên dưới là: “Phổ ký thập phương”, thật sự đã thọ ký cho chúng ta. “Phục hữu thập phương Phật sát, nhược hiện tại sanh, cập vị lai sanh, kiến A Di Đà Phật giả, các hữu bát vạn câu chi, na do tha nhân, được thọ ký pháp nhãn, thành vô thượng bồ đề, bi chur hữu tình, giai thị A Di Đà Phật, túc nguyện nhân duyên, câu đắc vãng sanh thế giới Cực Lạc”.

Trong đoạn kinh văn này có hai đoạn nhỏ, đoạn trước là “Thọ ký pháp nhãn”, đoạn sau là “Túc nguyện đượ sanh”. Trong đời quá khứ kết thiện duyên với Phật A Di Đà, đây là túc nguyện vãng sanh.

“Đoạn bên phải nói rõ mười phương chúng sanh đầy đủ nhân duyên”, không thể không có duyên, phải kết nhân duyên, kết pháp duyên với tất cả chúng sanh: “Tất cả đều đượ lợi ích thọ ký”. Phật A Di Đà thành Phật, phàm là chúng sanh đời trước có nhân duyên với Phật, có nhân duyên nghe bộ kinh này, Phật đều thọ ký.

Trong hội này, Đức Thế Tôn thay cho Phật A Di Đà thọ ký cho mọi người. Ngày nay chúng ta ở đây gặp đượ bộ kinh này, trong đời trước chúng ta có duyên với Phật A Di Đà, ngày nay Đức Phật thọ ký có cả chúng ta ở trong đó, không phải không bao gồm chúng ta. Bởi thế ở đây vô cùng thân thiết. “Bên phải nói rõ chúng sanh có duyên trong mười phương đều đượ lợi ích thọ ký”, mọi người phổ biến đều đượ thọ ký.

“Đức Phật thọ ký cho chúng sanh đời tương lai thành Phật, đượ pháp nhãn thọ ký, thành vô thượng bồ đề”. Thành vô thượng bồ đề nghĩa là thành Phật, đây là thọ lý đời tương lai sau thành Phật. “Tên thọ ký” có bốn loại:

“Thứ nhất, thọ ký cho người chưa phát tâm bồ đề. Thứ hai là thọ ký cho người đã phát tâm bồ đề. Thứ ba là âm thầm thọ ký, người ta đượ nghe nhưng người nghe không biết. Thứ tư là hiện tiền thọ ký”. Bốn loại này bất luận ta đượ loại nào đều “gọi là thọ ký”. “Đượ thọ ký pháp nhãn”, đượ thọ ký ý nghĩa giống như trước đã nói. “Pháp nhãn tức tam nhãn trong nguyện thứ 48 của Phật A Di Đà. Nguyện Dịch là đệ nhất đệ nhị đệ tam pháp nhãn”. Cũng tức là trong kinh này nói “âm hưởng nhãn, nhu thuận nhãn, vô sanh pháp nhãn. Đượ Phật thọ ký, chúng nhập vô sanh, thành vô thượng chánh giác. Người như vậy gọi là đượ thọ ký pháp nhãn, thành vô thượng bồ đề. Điều là túc nguyện nhân duyên của Phật A Di Đà. Như Đường Dịch nói: Tám vạn ức na do tha chúng sanh đượ thọ ký pháp nhãn, thành Vô thượng bồ đề”. Câu này là kinh văn trong Đường Dịch, chúng ta phải nhớ trong hội này, chúng ta ngày nay cũng có trong đó. Tất cả đại chúng trong ngày hôm nay, nhân duyên vô cùng sâu sắc, chúng ta đều là những người trong hội thọ ký.

Trong bốn loại thọ ký này có một loại, là loại thứ nhất: “Thọ ký cho người chưa phát tâm bồ đề”, câu này không dễ hiểu lắm, câu này hình như không thấy chú giải nói, đây là gì? Đây là Đức Thế Tôn thọ ký cho hết thảy chúng sanh, ngài nói: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, không phải đều đã đượ thọ ký! “Tất cả chúng sanh vốn là thành Phật”, câu nói này đều là đức Phật nói trong kinh điển đại thừa, đây là thọ ký cho chúng sanh chưa phát tâm bồ đề. Tất cả đều đượ thọ ký, không có ai không đượ, những gì ngài nói là lời chân thật, không phải giả dối.

Các bậc thánh nhân ngày xưa cũng rất đáng nể, tuy không nói đến Phật, nhưng cổ nhân nói: “Tánh người vốn thiện”. Đây đều cũng là thọ ký cho hết thảy mọi người chúng ta, tánh người vốn thiện. Thiện ở đây không phải thiện của thiện ác, thiện này chính là Đức Phật nói thành Phật là Phật. Người xưa gọi là thánh nhân, hiền nhân, người người đều là thánh nhân, người người đều là hiền nhân. Quý vị xem “tánh tương cận, tập tương viễn”, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Tánh giống nhau, nhưng tập tánh không giống nhau, bản tánh vốn thiện, tập tánh bất thiện.

Do đó giáo dục vô cùng quan trọng, bất cứ quốc gia dân tộc nào trên toàn thế giới, vấn đề này đều không sánh bằng Trung quốc ngày xưa. Ngàn vạn năm trước cổ nhân đã biết, bởi vậy họ rất coi trọng giáo dục. Có trí tuệ giáo dục, có phương pháp giáo dục, có kinh nghiệm giáo dục của ngàn vạn năm, có hiệu quả giáo dục. Toàn thế giới tìm không có một đất nước thứ hai. Phát minh văn tự chỉ có 4500 năm, thời đại Hoàng đế phát minh ra, không thể nói không có văn tự là không có văn hóa, không thể nói như vậy, không có văn tự nhưng có văn hóa!

Tiền thân của Ấn độ giáo chính là Bà la môn giáo, lịch sử của Bà la môn giáo\_họ nói với tôi\_tôi có giao tiếp với họ, có 13000 năm. Tôi liền nghĩ đến truyền thống văn hóa xưa, tuyệt đối không chỉ 13000 năm, ít nhất cũng bằng họ chứ không ít hơn họ. Quý vị thử nghĩ xem, không có văn tự là truyền miệng, truyền từ đời này qua đời khác. Tinh túy của văn hóa xưa có bốn điều, bốn khoa: Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Bốn khoa này truyền mười vạn năm cũng không sai, vì nó quá đơn giản. Ngũ luân 20 chữ, có thể truyền sai được sao? “Phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”. Tôi tin rằng truyền mười vạn năm cũng không truyền sai, không cần nhớ. Ngũ thường có năm chữ: “Nhân lễ nghĩa trí tín”, quý vị xem có thể sai được chăng? Tứ duy là: “Lễ nghĩa liêm sỉ”. Bát đức là: “Hiếu đễ trung tín, nhân ái hòa bình”, không thể truyền sai!

Không phụ tử đem những gì cổ nhân truyền lại, dùng văn tự viết thành sách, đây là cương lĩnh chung của truyền thống văn hóa. Tứ thư, Thập Tam Kinh chưa từng tách rời nó, thậm chí là Tứ Khố Toàn Thư biên soạn thời Càn Long, cũng không rời nó, nó là cương lĩnh chung, nguyên tắc chung. Nếu như hoàn toàn thực hành nó, chính là cách trị đại đồng, ngày xưa từng thực hiện nó, không phải lý tưởng, từng làm được.

Càng về sau, dần dần hình thành tự tư tự lợi, từ tư tự lợi hình thành nên vật dục, đạo đức ngày càng đi xuống. Khi đạo không còn dùng đức, đức không còn thì dùng nhân, nhân mất đi thì có nghĩa, nghĩa mất về sau dùng lễ, nếu như lễ cũng mất thì thiên hạ đại loạn. Đây là cổ nhân nói, không sai chút nào.

Thời nhà Thanh mất, dân quốc thành lập, không cần đến lễ, nên tạo thành xã hội hôm nay, tạo nên vấn đề trên trái đất ngày nay, lễ không còn nữa. Phải khôi phục, hiện nay mọi người đều muốn xã hội an định, thế giới hòa bình, làm sao để khôi phục? Nếu

khôi phục đạo và đức, quá cao chắc chắn không thành tựu được. Phải khôi phục lễ, khôi phục lễ xong đến khôi phục nghĩa, khôi phục nghĩa rồi mới đến khôi phục nhân, khôi phục nhân mới đến khôi phục đức, tiếp đến khôi phục đạo, phải tuần tự tiến lên từng bước một như vậy.

Ngày nay chúng ta khôi phục được lễ, lễ tức là giới luật quy củ của Phật giáo, làm người phải có quy củ làm người, phải giống như một con người. Ba nền tảng của Nho Thích Đạo đều thuộc về lễ, Đệ Tử Quy của Nho giáo là căn bản của lễ, không có Đệ Tử Quy lễ đâu ra? Không có. Căn bản của Đạo giáo là Cảm Ứng Thiên, nền tảng của nhân quả, phải biết có nhân quả. Nền tảng của Phật giáo là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng ta nỗ lực làm, ba nền tảng này thật sự có thể phổ cập trên toàn thế giới, chúng ta gọi là nền giáo dục phổ thế. Triển khai nền giáo dục này, xã hội an định, thiên hạ thái bình. Nhanh nhất cũng phải ba thế hệ sau, nếu chậm một chút phải đến năm thế hệ. Hay nói cách khác, 100 năm sau, đến 120 năm sau mới có thể thấy được hiệu quả. Chúng ta suy thoái từ từ, thì cũng dần dần đi lên, lập tức phục hưng là điều không thể.

Quý vị xem Tổ Sư Đạt Ma truyền Thiên tông đến Trung quốc, Lương Võ Đế không hiểu Phật pháp. Tuy ông ta là đại hộ pháp của Phật giáo, nhưng ông không thật sự hiểu Phật pháp, ông chỉ tu phước đức chứ không biết công đức. Ông đã làm cho Phật giáo không biết bao nhiêu việc, xây chùa, đều là những ngôi tự viện có quy mô, 480 ngôi chùa. Lấy sức mạnh của quốc gia, độ hơn 10 vạn người xuất gia. Bởi vậy ông rất tự hào cho rằng công đức mình rất lớn. Khi Tổ Sư Đạt Ma đến, ông liền khoe với ngài: Con làm cho Phật giáo nhiều việc như vậy, công đức của con có lớn chăng? Tổ Sư Đạt Ma rất thật thà trả lời ông ta một câu: “Không có công đức”. Ông ta vừa nghe vậy lập tức nổi giận: tiền khách! không nói nữa, tiền khách đi.

Nếu ông hỏi phước báo của ông lớn chăng? Tổ Sư Đạt Ma sẽ nói rất lớn rất lớn, vì ông ta tu là phước báo, vì sao vậy? Vì ông chấp tướng. Chấp tướng liền biến thành phước báo, lia tướng là công đức. Ông ta chấp tướng, thích kể công, nên ta chỉ có phước báo không có công đức, khi chết ông không đến được thế giới Cực Lạc, chắc là trên Trời đao lợi, phước báo ông tu được có thể đến Trời đao lợi. Công đức và phước đức khác nhau, về sự không khác nhau, nhưng về tâm có sai biệt. Một bên là lia tất cả tướng, một bên là chấp tướng. Bởi vậy chúng ta và Phật A Di Đà, đời quá khứ có nhân duyên nay lại gặp, ngày nay trong hội này tất cả đều được thọ ký.

“Đức Phật Vô Lượng Thọ này, ngày xưa lúc hành Bồ Tát đạo, chúng hữu tình thuần thực, đều được sanh về thế giới Cực Lạc”. Hay nói cách khác, ngày nay những người đồng tu như chúng ta được thọ ký, đều được sanh về thế giới Cực Lạc, không sót một người nào. Quý vị phải thấy rõ ràng: “Đều được sanh”, quý vị nhất định được vãng sanh. Khi nào? Không nhất định, có người sớm có người trễ. Nếu y giáo phụng

hành theo kinh này, y giáo phụng hành thì đời này được vãng sanh. Nếu như còn lưu luyến thế gian này, chưa muốn đi, vậy thì đời sau kiếp sau, đây là gì? Là thọ ký cho người chưa phát tâm Bồ đề.

Chúng ta xem tiếp phần sau: “Tất cả pháp từ nhân duyên sanh, như vậy chúng sanh trong đời quá khứ, được gặp Phật Di Đà khi còn ở nhân địa, nhờ nghe giáo huấn, thiện căn thuần thực, đó là thiện duyên thù thắng vô thượng”. Đây không phải Phật A Di Đà thành Phật, kiến lập thế giới Cực Lạc, mà từ lâu xa về trước khi còn ở nhân địa. Từ trên bộ kinh này Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta về lịch sử của thế giới Cực Lạc, lịch sử bao lâu? Xa hơn thì không cần nói, chỉ bắt đầu nói từ đời này, từ khi ngài phát 48 nguyện. Ngài là một vị quốc vương, đương thời Thế Gian Tự Tại Vương trú thế, ngài cảm động khi nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, liền từ bỏ vương vị để xuất gia, thành tỳ kheo Pháp Tạng. Làm vua tên là Thế Nhiêu Vương. Chúng ta nghe đến tên này, ngài trị lý đất nước này chắc chắn là cách trị đại đồng, thật hiếm có. Sau khi xuất gia, phát 48 lời nguyện, khi đã phát nguyện ngài tu hành năm kiếp. Từ khi thế giới Cực Lạc thành tựu đến nay là 10 kiếp, thêm năm kiếp tu hành nữa là 15 kiếp, 15 kiếp trước Di Đà ở nơi nhân địa. Bây giờ chúng ta nghe ở đây nói, gặp được Di Đà khi ở nơi nhân địa, chắc là 15 kiếp về trước, chúng ta từng gặp được Phật A Di Đà, từng kết duyên. Gặp tức là tương ngộ, nhờ nghe được giáo huấn thâm sâu, lúc đó ngài là người tu hành. Thiện căn thuần thực, thiện căn của chúng ta là chủng tử được trồng từ lúc đó, bây giờ đã thuần thực. “Là thắng duyên thù thắng vô thượng”. Thế nào gọi là thuần thực? Ngày nay có nhân duyên nghe được bộ kinh này, biết được câu chuyện của Phật A Di Đà, cảm nhận một cách sâu sắc. Lúc tỳ kheo Pháp Tạng phát nguyện, phát 48 nguyện, mỗi nguyện đều là vì chúng sanh, không có vì mình. Năm kiếp tu hành công đức viên mãn, thành tựu nên thế giới Cực Lạc. Đây là đại nguyện vọng của ngài, thế giới Cực Lạc đã thành tựu, tiếp dẫn những chúng sanh có duyên đời trước trong mười phương, tất cả đều đến thế giới Cực Lạc, nghe ngài giảng kinh dạy học. Ở thế giới Cực Lạc ngài dạy học không gián đoạn.

Bây giờ chúng ta biết, tình hình sinh hoạt của người ở thế giới Cực Lạc, mỗi ngày đều học tập. Vì sanh đến thế giới Cực Lạc, mặc dù là cõi phàm thánh đồng cư, đều được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, tất cả đều làm Bồ Tát A Duy Việt Trí. Cõi phàm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng là Bồ Tát A Duy Việt Trí, quả là tuyệt vời!

Tất cả kinh điển mà Đức Phật nói trong suốt 49 năm, không có nói như vậy, chỉ có ở thế giới Cực Lạc. Thân họ đạt được là thân pháp tánh, thế giới cư trú là cõi pháp tánh, hoàn toàn khác với thế giới chúng ta, chúng ta đây là pháp tướng. Nếu quý vị thâm nhập đại thừa sẽ hiểu, pháp tánh và pháp tướng không giống nhau. Pháp tánh là thật, pháp tướng là giả, pháp tướng như thế nào? Biến hóa trong từng sát na, nghĩa là Bồ Tát Di Lạc nói, một khảy móng tay biến hóa bao nhiêu lần? 320 triệu lần biến hóa,

một giây có bao nhiêu lần biến hóa? 1600 triệu lần biến hóa, đây là pháp tướng. Pháp tánh, pháp tánh không có biến hóa, không có biến hóa là thật, gọi là nhất chân pháp giới. Thế giới Cực Lạc là nhất chân pháp giới, nên người sanh đến đó là hóa sanh, không phải từ nhỏ lớn dần lên, từ nhỏ lớn dần lên sẽ có biến hóa. Nên sanh đến thế giới Cực Lạc, thân tướng hoàn toàn tương đồng với thân của Phật A Di Đà, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẽ đẹp. Thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, tướng mạo mỗi người đều giống nhau. Thọ mạng vô lượng, tướng mạo không thay đổi, nghĩa là ở thế giới đó không có sanh lão bệnh tử. Họ là hóa sanh, không có sanh lão bệnh tử, cây cỏ hoa lá thực vật không có sanh trụ dị diệt, sơn hà đại địa không có thành trụ hoại không, tất cả đều không có, nên gọi là nhất chân pháp giới.

Đến đó học tập không gián đoạn, đi đứng ngồi nằm đều học. Phật A Di Đà giảng kinh không gián đoạn, việc vui nhất trong đời người là học tập. Câu đầu tiên trong Luận Ngữ nói: “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”, việc vui nhất là học tập. Hoàn cảnh học tập khắp biến pháp giới hư không giới, trong tất cả cõi nước Chư Phật, Phật A Di Đà là đệ nhất. Đây không những là Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta, mà mười phương Chư Phật đều khen ngợi. Nói cách khác, mười phương Chư Phật đều đồng ý với điều Đức Thế Tôn nói, điều này có thể sai được sao? Trong đời trước chúng ta có nhân duyên với Phật A Di Đà, đời này chúng ta chắc chắn vãng sanh. Chúng ta hạ quyết tâm này, ngài đều biết, khi ta vãng sanh ngài nhất định đến tiếp dẫn, chúng ta tuyệt đối không được nghi hoặc. Nghi hoặc liền có tạp niệm, mất đi tín tâm, như vậy sẽ bị thoái chuyển, Phật A Di Đà muốn đến tiếp dẫn cũng không được. Điều này quan trọng hơn tất cả, là tín tâm kiên định, bất thoái, không thay đổi.

“Lại vì nhân duyên thọ giáo trong đời trước, từng từ văn khởi tu, từ tư sanh nguyện. Chánh tư chánh nguyện như vậy, tức nhập vào tám thức tâm điên, chắc chắn không tiêu, gọi là thiện nhân thù thắng vô thượng”, thiện nhân này mỗi người chúng ta đều có. “Ngày nay Phật A Di Đà công viên giác mãn, thành cứu cánh giác, do đó nhân duyên đầy đủ thuần thực, nhờ oai lực của Phật nhiếp thọ, đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cho thấy Bồ Tát, Thanh văn, thiên nhân ở thế giới Cực Lạc đều đầy đủ vô lượng. Chính là biểu trưng vô lượng kiếp ở trong biển sanh tử khi Phật A Di Đà còn ở trong nhân địa, giáo hóa nhiếp thọ lục đạo chúng sanh, quả thật vô lượng”.

Lục đạo chúng sanh trong tất cả cõi nước Chư Phật, Phật A Di Đà ở nơi nhân địa phát tâm bình đẳng, không phải độ một thế giới. Ngài muốn độ tận chúng sanh khổ nạn trong cõi nước của Chư Phật khắp biến pháp giới hư không giới, ngài phát nguyện này, ngày nay đã thành tựu.

“Ngày nay ta đối với diệu pháp này, có thể nghe có thể tin, chắc chắn là Di Đà trong kiếp quá khứ”, trong kiếp quá khứ “tùng theo ta trong nê lê”, lê là địa ngục. Có thể chúng ta đọa vào địa ngục, Phật A Di Đà đến chăm sóc chúng ta. “Giáo huấn ta

đối với trong nhà lửa, nhiếp thọ không từ bỏ, không ngừng khuyên dạy, không ngại cùng luân chuyển trong lục đạo”. Đây là bi tâm vô lượng, từ bi vô lượng. Chúng ta nên biết, Đức Phật đối với chúng ta ân đức vô lượng vô biên vô tận, tri ân mới biết báo ân. Không biết báo ân, họ không biết ân, ân đức của Phật đối với chúng ta lớn biết bao. Đòi đòi kiếp kiếp không rời chúng ta, từng giờ từng phút đều đang quan tâm chúng ta.

“Nhưng muốn ta hồi tâm đối với nhất niệm”, nhất niệm là gì? Nhất niệm là vô niệm, nhất niệm là bản tánh, nhất niệm là tự tánh, nhất niệm tức thành Phật. “Ân đức vô cực”, đây là bản tâm của Chư Phật Như Lai. Nhất niệm bất giác là phàm phu, nhất niệm giác là thành Phật, nhất niệm này là nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, là một giây trên 1600 ngàn một niệm. Chỉ cần nhất niệm này bất động là viên mãn.

“Ân đức vô cực, oai đức vô cùng, vì ta vun bồi thiện căn”. Chúng ta vô tri, không biết, không biết cảm ân. Từ bi đối với chúng ta, yêu thương đối với chúng ta, chăm sóc đối với chúng ta, giúp đỡ đối với chúng ta, cha mẹ cũng không sánh bằng. “Ngày nay may mắn được sanh dục tăng trưởng, chú thích đến đây, không cảm được nước mắt!”. Mấy câu này là Hoàng Niệm Tổ nói, đời này may mắn, sanh dục tăng trưởng, có nhân duyên chú giải bộ kinh này, chú thích đến đây, cảm động rơi nước mắt. Hoàng Niệm Tổ thật sự biết được ân Phật, biết được ân Phật mới biết báo ân.

Mời xem đoạn sau cùng: “Nhĩ thời tam thiên đại thiên thế giới, lục chủng chấn động, tịnh hiện chủng chủng hy hữu thần biến. Phóng đại quang minh, phổ chiếu thập phương, phục hữu chư thiên, ư hư không trung, tác diệu âm nhạc, xuất tùy hỷ thanh. Nãi chí sắc giới chư thiên, tất giai đắc văn, thán vị tăng hữu, vô lượng diệu hoa, phân phân nhi hàng. Tôn giả A nan, Di Lặc Bồ Tát, Thanh văn, Thiên long bát bộ, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành”.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. “Hữu”, đoạn kinh văn bên phải, đây là điềm lành của trời đất. Cũng nghĩa là nói lòng người chúng ta đã cảm động, sơn hà đại địa cảm động, chư thiên thiện thần cũng cảm động. “Bên phải biểu trưng pháp hội viên mãn, lại hiện tướng hy hữu, đoạn tướng hiện tiền. Kinh này hiện đoạn tướng, tức hiện phần tựa, lại hiện chánh tông và lưu thông. Hiện lộ rõ ràng kinh này thật là sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, vạn đức viên mãn”. Đức Thế Tôn giảng kinh có đoạn tướng, nhưng phần tựa, chánh tông và lưu thông đều hiện rất ít đoạn tướng. Đa phần là ở trong phần chánh tông có đoạn tướng. Điềm lành này tương đồng với Hoa Nghiêm, phần tựa, phần chánh tông và phần lưu thông của Kinh Hoa Nghiêm đều hiện đoạn tướng, kinh này cũng như vậy. Quả là không dễ, thật hiếm có.

Hoàng Niệm Tổ đã chỉ ra cho chúng ta thấy. Sơ là phần tựa, đoạn tướng là thiện. Trung là phần chánh tông, hậu là phần lưu thông. Ba điều thiện này, hiển thị vạn đức viên mãn. Như phần tựa Đại Giáo Duyên Khởi Phẩm nói: “Oai quang của Thế Tôn

chói lợi, như kim dung tụ, phóng ánh sáng lớn, số trăm ngàn biến. Màu sắc ánh sáng nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, từ trước đến nay chưa từng có được. Đao tướng như vậy gọi là đao tướng hy hữu, trước đây cũng chưa từng có”. A nan và đại chúng trước đây chưa từng thấy đao tướng này. Hiện đao tướng hy hữu nhất định là nói pháp kỳ đặc, phổ biến lợi ích chúng sanh.

Phẩm Lễ Phật Hiện Quang trong phần chánh tông: “Tức kiến Di Đà, như núi Hoàng Kim, cao khỏi mặt biển. Lại nghe mười phương xung dương tán thán Phật A Di Đà. Trong tay Phật Di Đà phóng quang, tất cả các cõi Phật đều hiện rõ ràng. Đao tướng như vậy, thật là tướng tốt hy hữu”. Điều này trong phần chánh tông nói như vậy, hy hữu khó gặp. “Sau cùng trong phần lưu thông, tức đại địa chấn động”, đây là sáu loại chấn động. “Lại hiện các loại thần biến hy hữu, ánh sáng chiếu khắp, nhạc trời đầy trong hư không, hoa trời rải xuống khắp nơi, kinh gọi là thần biến hy hữu. Nên những gì bây giờ hiện ra cũng là tướng hy hữu”.

Trong bộ kinh này, chúng ta thấy ba lần hiện đao tướng kỳ đặc. “Chúng tỏ pháp môn kỳ đặc, đại kinh hy hữu đặc thù, trì danh niệm Phật công đức đặc biệt”. Vãng sanh Tịnh độ trong đời nhất định thành Phật, đây là đặc biệt. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là một đời thành Phật, tức ngay trong đời này. Chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, chư vị nên biết không phải chết rồi mới đi, mà ta vãng sanh khi chưa dứt hơi thở. Quý vị thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, nói với mọi người: Phật đã đến tiếp dẫn, tôi đi đây. Vứt bỏ thân thể không cần, cứ như vậy ra đi, sống như vậy ra đi. Gọi là Phật pháp thành tựu ngay trong đời này, sanh đến thế giới Cực Lạc vô lượng thọ. Vô lượng là vô lượng của hữu lượng. Thọ mạng bao lâu? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói là ba đại a tăng kỳ kiếp. Ba đại a tăng kỳ kiếp là tu hành ở thế giới Cực Lạc, tốt nghiệp rồi là thật vô lượng, vô lượng của vô lượng. Tốt nghiệp là quả vị gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói là quả vị Diệu Giác, cao hơn Đẳng giác, là Diệu giác Như Lai, thật sự là vô lượng. Từ vô lượng của hữu lượng, đạt đến vô lượng của vô lượng, đây là vô lượng thọ thật, không phải giả. Chúng ta bắt đầu từ bây giờ, cho nên thật sự nghe hiểu minh bạch, ai không hâm mộ, ai không muốn!

Hiện nay thế giới rất loạn, thiên tai rất nhiều, ở đâu an toàn? Thế giới Cực Lạc an toàn nhất, vì sao an toàn? Vì thế giới Cực Lạc không có người nào xấu xa, mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành. Trong kinh Đức Phật thường nói: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, thế giới Cực Lạc không có ác niệm, một ác niệm cũng không có. Một câu A Di Đà Phật là thiện trong các điều thiện, mỗi người đều là niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Chí tâm, chân thành tâm niệm một câu A Di Đà Phật, tiêu tội nặng sanh tử trong 80 ức kiếp.

Chúng ta niệm có được chăng? Chúng ta niệm không được, vì sao vậy? Vì tâm chúng ta không thanh tịnh, trong câu Phật hiệu có tạp niệm xen vào. Không có chút



tạp niệm nào, câu Phật hiệu này có thể tiêu tội nặng sanh tử trong 80 ức kiếp. Đây chính là “một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, hoàn toàn là sự thật. Những người tu học Tịnh tông chúng ta, những người trong đời trước có nhân duyên với Phật A Di Đà cần phải biết, cần phải quý trọng. Khi nào chúng ta vãng sanh? Đời này chắc chắn vãng sanh.

Quá khứ đã từng gặp qua nhiều lần, đều chỉ ứng phó qua loa, sơ sài. Đời này phải thực hành, nhất định được vãng sanh. Tin chúng ta và Phật A Di Đà nhân duyên đời trước rất thâm sâu. Từ lần đầu kết duyên với Phật A Di Đà đến nay, đời đời kiếp kiếp bất luận chúng ta ở trong cõi nào, Phật Di Đà luôn ở bên cạnh quan tâm chúng ta, giúp đỡ mọi lúc, nhưng ta không hề hay biết. Là thật, không phải giả. Bởi thế lần này có thể gặp được bộ kinh điển này, quả là không dễ. Nếu không suy nghĩ tường tận ta sẽ không biết được.

Kinh Vô Lượng Thọ lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế nhiều lần tuyên giảng, nên có rất nhiều bản, mà mỗi lần giảng nội dung lại khác nhau. Lưu truyền đến Trung quốc, phiên dịch tất cả là 12 lần, tức có 12 bản khác nhau. Đáng tiếc bị thất truyền bảy loại, hiện nay chỉ còn lại năm loại, cất giữ trong Đại Tạng Kinh. Nhưng trong năm loại này chênh lệch rất lớn, chứng tỏ không phải tuyên giảng một lần, giảng một lần phiên dịch sẽ không bị chênh lệch lớn như vậy, mà giống nhiều khác ít. Một đời giảng kinh của Đức Thế Tôn, chưa từng giảng lại lần thứ hai. Ở đây điểm không nhất quán lớn nhất là nguyên văn, trong năm bản, hai bản có 48 nguyện, hai loại 24 nguyện, một loại phiên dịch thời nhà Tống có 36 nguyện. Phiên dịch tuyệt đối không thể dịch như thế, cho thấy chắc chắn là nguyên bản như vậy. Nếu như nguyên bản giống nhau, thì chữ số của nguyên văn không thể thay đổi. Ở đây có ba loại khác nhau, chứng tỏ ít nhất là ba lần tuyên giảng. Còn bảy bản thất truyền không thấy, nên cổ nhân nói trên ba lần. Đức Thế Tôn nhiều lần tuyên thuyết, chứng tỏ pháp môn này quan trọng, pháp môn này có thể phổ độ chúng sanh, khiến chúng sanh thật sự được lợi ít chân thật trong hiện tại, ta lập tức được lợi ích này. Cho nên mới cần đến hội tập, đọc hết cả năm bản rất khó, đọc không dễ. Thời nhà Tống cư sĩ Vương Long Thư nghĩ đến hội tập, bản hội tập của ông trong Đại Chánh Tạng của Nhật Bản có, trong Long Tạng của Càn Long cũng có, đều đưa vào trong Đại Tạng Kinh, điều này tổ sư đại đức các đời đã khẳng định. Hội tập là việc tốt, không trái với kinh giáo, nhưng bản hội tập của ông chỉ thấy được bốn loại nguyên bản dịch, cư sĩ Vương Long Thư không thấy bản Đường Dịch. Trong bản này có một số đoạn kinh văn rất hay, mà bốn loại khác không có, điều này chúng ta không thể không biết. Hoa sen hóa sanh, trong bản Đường Dịch có, các bản khác không có, điều này rất quan trọng. Vì hội tập của Long Thư thiếu một bản, thiếu bản Đường Dịch, chỉ có bốn loại. Nên đến năm Hàm Phong thời nhà Thanh, cũng là lúc thái hậu Từ Hy còn sống, bà là phi tử của Hàm Phong. Cư sĩ Ngụy Mạc Thâm hội tập lần thứ hai. Bản hội tập này hay hơn của Vương Long Thư, nhưng vẫn có tỳ vết, trích dẫn và bỏ chưa thỏa đáng. Nên đầu năm dân quốc, cư sĩ Hạ

Liên Cư hội tập lần thứ ba. Bể quan ba năm hoàn thành bản gốc, chỉnh sửa mười lần thành bản này. Trước sau dùng mười năm để hoàn thành nó, tâm huyết một đời. Quý vị nói ông đến thế gian này để làm gì? Chính là vì việc đại sự này.

Còn một đời của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, việc lớn nhất của ông là tập chú. Chú giải này là tập 83 loại kinh luận, 101 loại chú giải của các bậc tổ sư đại đức, là tập chú, tập đại thành chú giải Kinh Vô Lượng Thọ. Bản này đi đâu để tìm! Có duyên gặp được bản này quả thật rất hy hữu, rất khó được. Nên bản này trong kinh điển Phật giáo, đáng được gọi là đệ nhất kinh. Lời này không phải tôi nói, là cư sĩ Mai Quang Hy nói, pháp sư Huệ Minh, pháp sư Từ Châu đã ấn chứng cho họ, như vậy còn sai được chăng?

Chúng ta xem tiếp bên dưới. Vô Lượng Thọ Kinh Sao nói: “Trong phần tựa có màu sắc ánh sáng đẹp lạ, ngày nay- là nói bây giờ, chúng ta đọc đến phẩm này- cũng hiện đóa tướng này, nên biết ý Phật biểu trưng sự trịnh trọng. Gia Tường Sớ nói phần lưu thông hiện đóa tướng, nói rõ vì cảm động trước đóa tướng mà được lợi ích”. Cảm là cảm ứng, dùng đóa tướng để chứng minh, nghe kinh được lợi ích. Tịnh Ảnh Sớ lại nói: “Như Lai hóa chu- hóa là giáo hóa chúng sanh, chu là chu biến pháp giới- Vi tăng vật kính”, vì thánh giáo nhất định phải thành kính mới đạt được lợi ích, nếu không có tâm thành kính, không đạt được lợi ích.

“Tăng thêm tâm thành kính của tất cả chúng sanh, nên dùng thân lực động địa phóng quang, trời nhạc rải hoa. Tóm lại đều vì chúng tín cho chúng sanh”, làm chứng minh để chúng ta tin. “Khuyến dụ khiến chúng sanh đối với pháp khó tin mà trong kinh nói, nên sanh thật tín”. Câu này là mục tiêu của ngài, mục chính là ở đây, chúng ta đối với bộ kinh này phải sanh tín tâm chân thật.

Bên dưới câu “Tôn giả A nan”. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Nói rõ về lợi ích lớn lao này để giáo hóa quần cơ, đại chúng đều hoan hỷ”, mọi người đều hoan hỷ. “Hoan hỷ, trong Vô Lượng Thọ Kinh Sao nói. Pháp Vị nói: Theo Già Da Sơn Đỉnh Kinh Luận nói hoan hỷ có ba nghĩa. Thứ nhất người nói thanh tịnh, nên đối với các pháp được tự tại”. Là Đức Phật nói, người nói thanh tịnh. “Thứ hai là những pháp nói ra đều thanh tịnh, nên dùng như thật trí thanh tịnh pháp thể”, thanh tịnh pháp thể là gì? Là tự tánh. “Thứ ba là những pháp nói ra được quả thanh tịnh, nên có thể chứng được cảnh giới thanh tịnh vi diệu”.

Chúng ta học tập theo kinh này, kinh là tiêu chuẩn, kinh là thước để đo lường chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác nhất định phải y theo giáo huấn trong kinh điển. Trong kinh dạy như thế nào ta nên hành trì theo như vậy, còn như không dạy chúng ta tuyệt đối không trái phạm, y giáo phụng hành.

Chúng ta xem tiếp: “Ngày nay đại chúng, nghe nguyện của Phật Di Đà, và ân nặng của Thích Tôn”, Thích Tôn là Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đại nguyện của

Phật Di Đà, đức Thế Tôn thuật lại cho chúng ta nghe. “Bản thân được lợi ích lớn”, không có Đức Thế Tôn giới thiệu, chúng ta không biết có thế giới Cực Lạc, không biết có Phật A Di Đà. Nghe Đức Phật giới thiệu, chúng ta minh bạch, hiểu được, “sao không hoan hỷ được!”

Theo ý trong Sao: “Người nói kinh này là bốn sư ta”, là Đức Thế Tôn, ngài nói: “Ta vì pháp vương, đối với pháp tự tại”, người ta chứng được tự tại viên mãn, đây là nói: “Người nói thanh tịnh. Các công đức nói ra là chỉ nhất thanh tịnh cú, trí tuệ chân thật, vô vi pháp thân, là những pháp nói ra được thanh tịnh”, pháp thanh tịnh.

“Thứ ba được quả thanh tịnh, như đại sư Linh Phong nói: Nhất nhất trang nghiêm, toàn thể lý tánh, y giáo tu trì, ngang vượt khỏi tam giới, tiến lên không thoái chuyển, viên mãn sanh vào bốn cõi, cứu cánh thành Phật, là được quả cứu cánh thanh tịnh. Đây đủ ba loại thanh tịnh, người nghe được lợi ích vô thượng, nên đều được đại hoan hỷ, tin tưởng vui thích thọ trì, nên gọi là tín thọ phụng hành”. Ở sau còn một đoạn nhỏ.

“Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận nói”, đây là trước tác của cư sĩ Bành Tế Thanh thời nhà Thanh. Rất nhiều đồng học đều biết, dùng cách noi như bây giờ thì Bành Tế Thanh là con cháu của cán bộ cao cấp, cha ông là Binh bộ thượng thư của hoàng đế Càn Long, nghĩa là bộ trưởng quốc phòng. Ông vô cùng thông minh, có trí tuệ, hoàn cảnh gia đình lại tốt. Bởi thế chắc là chưa đến nhược quán, nhược quán là 20 tuổi, tôi đoán khoảng mười tám mười chín tuổi đã thi đậu tiến sĩ. Nhưng ông không làm quan, suốt đời không làm quan, chuyên môn nghiên cứu Phật giáo, ông thông cả ba giáo Nho Thích Đạo. Trong Phật giáo, Tông môn giáo môn, Hiển giáo mật giáo đều viên dung, quả đúng là một vị đại đức cư sĩ. Ông trước tác rất nhiều, ông nói Tịnh tông là một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, câu này là ông ta nói. Đời này chúng ta gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, gặp được Tịnh độ, ông ta nói đây là điều hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, nay quý vị đã gặp được! Gặp được phải hành trì, gặp được không thể dễ dàng bỏ qua. Chúng ta đọc tiếp đoạn văn của ông:

“Kinh này đầy đủ toàn thân vô lượng thọ, cũng đầy đủ toàn thân tất cả Chư Phật”. Như vậy mà không tuyệt vời ư? Bộ kinh này là toàn thân vô lượng thọ, toàn thân Phật A Di Đà, cũng là toàn thân của tất cả Chư Phật. Hay nói cách khác, Phật pháp cứu cánh viên mãn, đều bao hàm ở trong này. Lời này có thể tin, vì sao vậy? Vì các đại đức thời Tùy Đường đã chứng minh. Quý vị xem bài tựa của cư sĩ Mai Quang Hy sẽ biết, quả thật không thể nghĩ bàn. “Tin vào kinh này, tức đầy đủ tất cả trí Phật”, tất cả trí tuệ viên mãn của Phật đều ở trong bộ kinh này.

Tập chú của Hoàng Niệm Tổ có thể tập 83 loại kinh luận, đó là tri kiến của Phật. Và 110 loại chú sớ của các tổ sư đại đức để chú giải bản hội tập này. Bởi thế kinh là hội tập, chú cũng là hội tập, đúng là hy hữu khó gặp, nay chúng ta đã gặp được. Gặp

được, lần thứ nhất tôi in bản chú giải này 10 000 cuốn để lưu thông. Lúc đó ở Mỹ ông chỉ đem theo một bản, bản in dầu, bây giờ rất nhiều người không biết in dầu là gì, thời kỳ kháng chiến rất phổ biến, tặng cho tôi bản in dầu. Lúc đó tôi xem qua vô lượng hoan hỷ, tôi hỏi ông có bản quyền chẳng? Ông nói không có bản quyền, tôi nói không có bản quyền thì tôi sẽ in ấn nó, có bản quyền tôi không dám ấn tống, nên lần đầu tiên ấn tống 10 000 bộ. Bây giờ bộ kinh ấn tống số lượng bao nhiêu, không cách nào tính được, quá nhiều. Ấn tống khắp các nơi, trong nước cũng như nước ngoài, lưu thông số lượng lớn, đại khái cũng coi là bản đầu tiên, loại đầu tiên.

Tôi nghĩ, nếu tôi không giảng tường tận bộ kinh này một lần, không ai chú ý đến. Sợ quá nhiều trích dẫn, mọi người không chịu xem. Hôm nay tôi đã giảng xong kinh này, hôm nay là ngày 18.9, chúng ta vừa giảng xong 600 tập, tức 1200 tiếng đồng hồ. 1200 tiếng đồng hồ, giảng viên mãi vào ngày 18.9. Đem công đức giảng kinh hồi hướng cho quân dân tử nạn ngày 18.9, tôi dùng ý nghĩa này. Ngày mai chúng ta bắt đầu giảng lần thứ hai, tôi giảng lại một lần nữa. Giảng lần này tôi sẽ đưa bản khoa phán tôi viết vào, là đại kinh khoa chú\_Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú. Chú vẫn dùng chú giải của Hoàng Niệm Tô, thời gian sáu năm của ông quá gian khổ, thân mang bệnh nhưng vẫn chú giải kinh này, tôi thấy vậy trong lòng rất ray rứt. Chúng tôi gặp nhau khi tuổi đã cao, gặp được quả thật hoan hỷ vô lượng. Lúc đó trong nước chỉ mình ông giảng kinh này, ở nước ngoài cũng chỉ mình tôi giảng kinh này, bởi thế hai bên gặp nhau vui mừng khôn tả. Chúng tôi muốn báo ân tri ngộ này, cảm ơn ân đức lớn của ông gia trì tất cả chúng sanh thời mạt pháp. Chúng ta có thể làm được chút việc, cũng tận một phần sức lực để cảm ơn ân đức của ông, cảm ơn bản hội tập của Hạ Liên Cư, chú giải của Hoàng Niệm Tô.

Tôi cũng làm người dẫn đầu, trước đây giảng kinh suốt 53 năm, 53 năm giảng mấy mươi bộ kinh. Vì bản thân không ở một nơi cố định, sống cuộc đời du mục. Tôi biết bất luận là tu học pháp môn nào, chỉ cần nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, không ai không thành tựu. Vì sao vậy? Vì chúng ta vốn là Phật, nhất định sẽ thành tựu. Sợ nhất là học lung tung, học đủ thứ, học quá nhiều, như vậy tinh thần và thời gian của mình đều phân tán hết, và rất khó thành tựu.

Nên bây giờ, bắt đầu từ năm ngoái tôi giảng bộ kinh này, những năm còn lại có thể sống được bao nhiêu năm thì giảng bấy nhiêu bộ. Một năm giảng một bộ, tiêu chuẩn là 1200 tiếng, một ngày 4 tiếng cần phải mất 300 ngày. Một năm một bộ, chia sẻ với mọi người, biểu diễn nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Hôm nay kinh này đã viên mãn, cảm ơn mọi người.

**Hết tập 600**